

Báo cáo cập nhật KQKD Quý 2/2026 – OIL

UPCOM · OIL · Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PV OIL)



LNST CỔ ĐÔNG MẸ · Q2

-136

tỷ đồng · cùng kỳ lãi 179 tỷ

DOANH THU THUẦN · Q2

90.003tỷ đồng · **+125,5% YoY**

BIÊN LN GỘP · Q2

1,42%

cùng kỳ 2,92%

LNST 6T · HỢP NHẤT

476tỷ đồng · **+105% YoY**

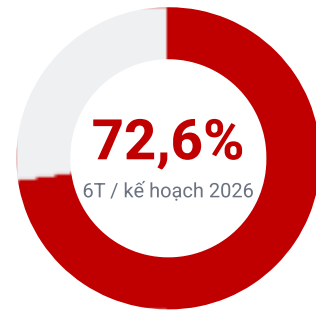
ĐÁNH GIÁ KQKD QUÝ 2/2026

Doanh thu kỷ lục nhưng lợi nhuận âm: doanh thu thuần đạt **90.003 tỷ đồng (+125,5% YoY)**, cao nhất lịch sử theo quý, song cổ đông công ty mẹ **lỗ 136 tỷ đồng**, quý lỗ đầu tiên kể từ Quý 3/2022. Giá dầu Brent bình quân 104,5 USD/thùng (+54% YoY) khiến giá vốn tăng nhanh hơn giá bán điều hành, kéo biên gộp xuống **1,42%**; chi phí bán hàng, quản lý và lãi vay cùng tăng nên phần lãi gộp tăng thêm không đủ bù đắp. Nhờ Quý 1 thuận lợi, lũy kế 6 tháng LNST vẫn đạt **476 tỷ đồng (+105% YoY)**. **TCBS Research** đánh giá công ty có bộ đệm tiền ròng lớn, song lãi vay và chi phí hoạt động cao tạo áp lực lên lợi nhuận; đồng thời định giá đang ở mức tương đối cao với P/E 22,1 lần, nhà đầu tư nên quan sát thêm.

LNST cổ đông công ty mẹ theo quý · tỷ đồng



TIẾN ĐỘ LỢI NHUẬN NĂM



* Trên kế hoạch LNST hợp nhất 2026 (656 tỷ, +30%) theo ĐHĐCĐ tháng 4/2026; kế hoạch doanh thu 150,7 nghìn tỷ đã đạt 89,5% sau 6 tháng.

ĐIỂM NHẤN

90.003

TỶ · Q2/26

Doanh thu quý cao kỷ lục

gấp 2,3 lần cùng kỳ · giá dầu +54% và sản lượng cùng tăng

476

TỶ · 6T/26

LNST 6 tháng vẫn tăng gấp đôi

+105% YoY nhờ Quý 1 thuận lợi · đạt 72,6% kế hoạch LNST năm

9.812

TIỀN RÒNG

Tiền ròng xấp xỉ 73% vốn hóa

tiền và tiền gửi 17.592 tỷ · đã trả bớt 29% nợ vay trong 6T

CẦN THEO DÕI

1,42%

BIÊN GỘP

Biên gộp thấp nhất nhiều năm

giá nhập tăng nhanh hơn giá bán điều hành · cùng kỳ 2,92%

185

TỶ LÃI VAY

Lãi vay gấp 2,5 lần cùng kỳ

công ty quy cho lãi suất tăng · dư nợ vay cuối kỳ lại giảm 29%

232

TỶ DỰ PHÒNG

Dự phòng giảm giá tồn kho tăng vọt

đầu năm chỉ 15 tỷ · giá dầu điều chỉnh về cuối quý

TRIỂN VỌNG 2026

Nửa cuối năm, biến số quyết định vẫn là **giá dầu**: nếu Brent hạ nhiệt, biên gộp có dư địa phục hồi về **vùng ~3%** nhưng tồn kho giá cao có thể phải trích lập thêm; chuỗi tăng giá kéo dài sẽ duy trì áp lực lên giá vốn. Điểm tựa nằm ở sản lượng: **E10** bán toàn hệ thống từ tháng 4/2026, **Jet A-1** dự kiến từ Quý 4/2026 và kinh doanh quốc tế mở rộng. Dự phóng TCBS Research ước tính nửa cuối năm **lãi trở lại ~236 tỷ đồng** với kỳ vọng sản lượng tiếp tục tăng và giá bán hạ nhiệt so với nửa đầu năm.

LNST 2026F CỔ ĐÔNG MẸ

~616tỷ đồng · **+41,7% so với 2025**

EPS 2026F

595đồng/cp · **P/E dự phóng 21,8x**

BIÊN LN GỘP 2026F

2,7%

cao hơn 6T: 2,56%

DOANH THU 2026F

225.534tỷ đồng · **+49,8%**

THÔNG TIN CỔ PHIẾU & ĐỊNH GIÁ · tại ngày 05/08/2026

GIÁ · ĐỒNG

13.000

VỐN HÓA · TỶ Đ

13.445

P/E · LẦN

22,1

P/B · LẦN

1,24

PVN SỞ HỮU

80,5%

SLCP · TRIỆU

1.034



1. Đánh giá của TCBS

Quan điểm về quý lỗ đầu tiên sau gần 4 năm, cơ chế giá điều hành trong chu kỳ dầu tăng và triển vọng nửa cuối năm

Kết quả Quý 2/2026 của PV OIL bộc lộ rõ đặc thù của mô hình phân phối xăng dầu: **quy mô không đồng nghĩa với lợi nhuận**. Doanh thu thuần đạt **90.003 tỷ đồng (+125,5% YoY, gấp đôi quý liền trước)**, cao nhất lịch sử theo quý, khi giá Brent bình quân lên **104,5 USD/thùng (+54% YoY)** và sản lượng cùng mở rộng; nhưng cổ đông công ty mẹ **lỗ 136 tỷ đồng** (cùng kỳ lãi 179 tỷ), quý lỗ đầu tiên kể từ Quý 3/2022. Các nguyên nhân chính như sau: giá vốn tăng **+129%**, nhanh hơn doanh thu, kéo biên gộp từ 2,92% xuống **1,42%**; lãi gộp tuyệt đối vẫn tăng 9,8% lên 1.278 tỷ, song chi phí bán hàng **+35,1%** (1.013 tỷ), chi phí quản lý **+20,8%** (354 tỷ) và chi phí tài chính **gấp 2,4 lần** (244 tỷ, riêng lãi vay 185 tỷ) cộng lại vượt xa phần lãi gộp tăng thêm, đẩy lợi nhuận thuần từ HĐKD âm 59 tỷ. Giải trình gửi UBCKNN cho thấy áp lực dồn ở công ty mẹ: giá vốn tăng 123%, nhanh hơn doanh thu (+117%), trong khi giá bán lẻ xăng chỉ tăng 34–36%, dầu 58%; lãi gộp công ty mẹ chuyển từ 490 tỷ sang **âm 56,5 tỷ**, lỗ ròng mẹ 233,3 tỷ, các công ty con phân phối vẫn có lãi. Cuối kỳ còn trích **dự phòng giảm giá tồn kho 232 tỷ đồng** (đầu năm chỉ 15 tỷ) khi giá dầu điều chỉnh về cuối quý. Lưu ý: giá (+54%) nhân sản lượng xăng dầu (+22%) chỉ giải thích khoảng +88% tăng trưởng doanh thu; phần chênh so với +125,5% khả năng cao đến từ **tăng trưởng cấu phần doanh thu đầu thô và kinh doanh quốc tế** (chi tiết tại mục 3.1).

Đặt cạnh Petrolimex, bức tranh rõ hơn: cùng môi trường giá, PLX **lỗ ròng 662 tỷ ở Quý 1** vì trích dự phòng sớm rồi **lãi trước thuế 3.364 tỷ ở Quý 2** nhờ hoàn nhập và mảng ngoài xăng dầu; PV OIL đi ngược pha — lãi đậm Quý 1 (LNTT 675 tỷ) nhờ tồn kho giá thấp, chịu toàn bộ áp lực ở Quý 2. Lợi nhuận từng quý của cả hai vì vậy phản ánh thời điểm tích trữ tồn kho nhiều hơn năng lực vận hành; PV OIL phụ thuộc mảng xăng dầu thuần nên biên độ dao động lớn hơn. Điểm sáng là **sức khỏe tài chính**: dòng tiền HĐKD 6 tháng ~1.714 tỷ (cùng kỳ 147 tỷ), vay ngắn hạn giảm 29%, tiền ròng ~9.812 tỷ, khoảng 73% vốn hóa. Lũy kế 6 tháng, doanh thu đạt **89,5%** và LNST 476 tỷ (+105%) đạt **72,6% kế hoạch năm**. Mục tiêu lợi nhuận cả năm vì vậy vẫn khả thi nếu giá dầu không leo thang tiếp, dù con đường tới đó gập ghềnh hơn dự kiến hồi đầu năm. Với thị giá 13.000 đồng, cổ phiếu giao dịch ở **P/E trượt 22,1 lần, P/B 1,24 lần**; tiền ròng là điểm cộng cho định giá, xúc tác ngắn hạn phụ thuộc chiều giá dầu và khả năng hoàn nhập dự phòng.

DỰ PHÓNG 2026 THEO TCBS RESEARCH

- 01 LNST cổ đông mẹ 2026F ~616 tỷ đồng, EPS 595 đồng (+41,7%)** — P/E dự phóng 21,8 lần, EV/EBITDA dự phóng 13,4 lần, ROE dự phóng 5,7%.
- 02 Biên LN gộp dự phóng 2,7% cho cả năm** — nhích nhẹ so với 2,56% của 6 tháng đầu năm, hàm ý giá dầu hạ nhiệt dần trong nửa cuối năm.
- 03 Doanh thu dự phóng 225.534 tỷ (+49,8%)** — tương ứng nửa cuối năm ~90,7 nghìn tỷ, sát mặt bằng hiện tại; LNST nửa cuối năm theo đó khoảng 236 tỷ, thận trọng hơn đáng kể so với 6 tháng đầu năm.

2. Kết quả kinh doanh Quý 2/2026

Bức tranh tổng thể doanh thu – lợi nhuận và tiến độ so kế hoạch năm

Quý 2/2026 khép lại với **doanh thu cao kỷ lục nhưng lỗ lần đầu sau gần 4 năm**: doanh thu thuần 90.003 tỷ đồng (+125,5% YoY), LNST hợp nhất âm 95 tỷ và phần cổ đông công ty mẹ âm 136 tỷ. Toàn bộ lợi nhuận gộp trong kỳ bị chi phí bán hàng, quản lý và tài chính hấp thụ hết.

CÁC NHẬN XÉT CHÍNH

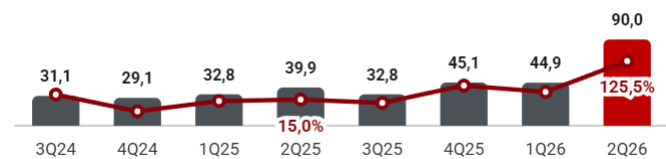
- 01 Doanh thu kỷ lục không chuyển thành lợi nhuận** – doanh thu gấp 2,3 lần cùng kỳ nhờ giá bán, sản lượng xăng và có thể từ tăng trưởng doanh thu dầu thô; biên gộp co về 1,42%, lãi gộp chỉ tăng 9,8% YoY.
- 02 Giá điều hành trễ nhịp giá nhập** – giá bán trong nước không theo kịp giá nhập trong chu kỳ dầu tăng dốc; hàng gom ở vùng giá cao còn buộc trích dự phòng 232 tỷ khi giá quay đầu cuối quý.
- 03 Chi phí tài chính tăng mạnh** – lãi vay 185 tỷ, gấp 2,5 lần cùng kỳ, lãi suất tăng song dư nợ cuối kỳ lại giảm 29% so đầu năm, có thể do mức vay trung bình trong quý cao.

LNST CỔ ĐÔNG MẸ -136 tỷ đồng · cùng kỳ lãi 179 tỷ	DOANH THU THUẦN 90.003 tỷ đồng · +125,5% YoY · kỷ lục	LỢI NHUẬN GỘP 1.278 tỷ đồng · biên gộp 1,42%
CHI PHÍ BH & QLDN 1.367 tỷ đồng · +31,1% YoY · 1,52% DT	CHI PHÍ TÀI CHÍNH 244 tỷ đồng · lãi vay 185 tỷ, gấp 2,5 lần	LNST 6T · HỢP NHẤT 476 tỷ đồng · +105% YoY · 72,6% KH

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Q2/2026	Q2/2025	%YoY	Q1/2026	%QoQ
Doanh thu thuần	90.003	39.908	+125,5	44.864	+100,6
Giá vốn hàng bán	(88.725)	(38.743)	+129,0	(42.691)	+107,8
Lợi nhuận gộp	1.278	1.164	+9,8	2.173	-41,2
Biên lợi nhuận gộp (%)	1,42	2,92	-1,5 đ%	4,84	-3,4 đ%
Chi phí bán hàng & QLDN	(1.367)	(1.043)	+31,1	(1.548)	-11,7
Chi phí tài chính	(244)	(103)	+136,8	(166)	+46,8
Lợi nhuận trước thuế	(71)	251	n/a	675	n/a
Lợi nhuận sau thuế	(95)	206	n/a	572	n/a
LNST cổ đông công ty mẹ	(136)	179	n/a	516	n/a

Doanh thu thuần theo quý

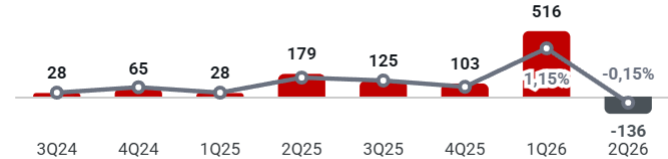
Ngàn tỷ đồng · đường = tăng trưởng YoY (%)



Nguồn: BCTC hợp nhất PV OIL, TCBS Research

LNST cổ đông công ty mẹ theo quý

Tỷ đồng · đường = biên LN ròng (% , trục phải)



Nguồn: BCTC hợp nhất PV OIL, TCBS Research

3. Phân tích các chỉ số tài chính

Phân tích theo đặc thù doanh nghiệp phân phối xăng dầu: sản lượng – giá dầu, biên gộp – cơ chế điều hành giá, chi phí vận hành – tài chính, bảng cân đối và dòng tiền

3.1. Doanh thu – sản lượng & giá dầu

Doanh thu Quý 2 đạt **90.003 tỷ đồng (+125,5% YoY; +100,6% QoQ)** – hai cấu phần giá và lượng cùng tăng. Lũy kế 6 tháng, doanh thu 134.867 tỷ (+86% YoY) đã hoàn thành 89,5% kế hoạch năm chỉ sau hai quý.

- **Giá là cấu phần lớn nhất** – Brent bình quân Quý 2 đạt 104,5 USD/thùng (+54% YoY, +30% QoQ) do căng thẳng địa chính trị và gián đoạn nguồn cung; giá bán lẻ trong nước lập đỉnh đầu tháng 4.
- **Xăng dầu thành phẩm chỉ giải thích được khoảng một nửa doanh thu** – sản lượng xăng dầu 6T đạt 3,464 triệu m³/tấn (+22%), riêng Quý 2 khoảng 1,86 triệu m³, nhân giá bán bình quân ra khoảng 45–50 nghìn tỷ. **TCBS Research** đánh giá phần còn lại ~40–45 nghìn tỷ khả năng cao là doanh thu đầu thô và kinh doanh quốc tế: tương đương ~2 triệu tấn dầu thô ở giá Brent hiện tại, phù hợp với kế hoạch xuất nhập khẩu dầu thô 9,6 triệu tấn/năm được ĐHĐCĐ tách riêng khỏi chỉ tiêu xăng dầu.
- **Đánh giá:** doanh thu phản ánh tăng trưởng cả sản lượng và giá bán; ~180 tỷ LNST còn lại của kế hoạch năm sẽ khả thi nếu biên gộp phục hồi một phần. Sản lượng nền vẫn mở rộng: bán xăng E10 toàn hệ thống từ tháng 4/2026, nhiên liệu bay Jet A-1 từ Quý 4/2026.

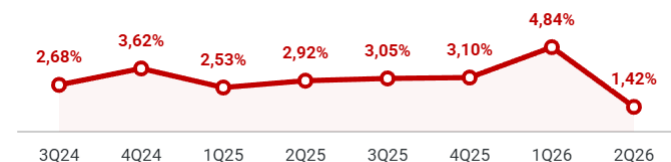
3.2. Biên lợi nhuận gộp – cơ chế giá điều hành & tồn kho

Biên gộp 1,42% – thấp nhất trong nhiều năm (bình quân 2025 khoảng 2,9%; Quý 1/2026 tới 4,84%). Biên gộp của nhà phân phối gần như cùng chiều với chênh lệch giữa giá bán điều hành và giá vốn nhập bình quân: khi giá thế giới tăng dốc, giá trong nước điều chỉnh có độ trễ theo kỳ điều hành; biên quý này còn thấp thêm do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hạch toán vào giá vốn) khi giá quay đầu giảm về cuối quý.

- **Cú quay đầu của giá dầu tạo gánh nặng kép** – tồn kho tích lên 11.191 tỷ cuối Quý 1 (vùng giá lên) rồi rút về 5.689 tỷ; giá điều chỉnh cuối quý buộc trích dự phòng 232 tỷ (đầu năm 15 tỷ), lợi nhuận quý chịu cả giá vốn cao lẫn đánh giá lại tồn kho.
- **So sánh Petrolimex cho thấy vai trò cơ cấu nguồn thu** – PLX trích dự phòng sớm ở Quý 1 (lỗ ròng 662 tỷ) rồi hoàn nhập ở Quý 2 (LNTT 3.364 tỷ); ~65% lợi nhuận 6 tháng của PLX đến từ ngoài xăng dầu, hấp thụ sốc giá tốt hơn mô hình thuần phân phối của PV OIL.
- **Đánh giá:** ở nền doanh thu ~45 nghìn tỷ/quý, mỗi 1 điểm % biên gộp tương đương ~450 tỷ lãi gộp – kết quả các quý tới phụ thuộc chiều giá dầu nhiều hơn nỗ lực vận hành; nếu Brent hạ nhiệt, biên gộp có dư địa về vùng ~3% và một phần dự phòng có thể được hoàn nhập.

■ Biên lợi nhuận gộp theo quý

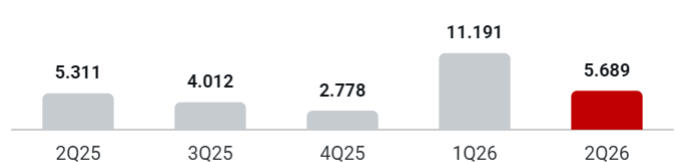
% · biên của mô hình phân phối mỏng và biến động theo giá dầu



Nguồn: BCTC hợp nhất PV OIL, TCBS Research

■ Hàng tồn kho cuối quý

Tỷ đồng · giá trị thuần sau dự phòng (cuối Q2/26 trích 232 tỷ)



Nguồn: BCTC hợp nhất PV OIL, TCBS Research

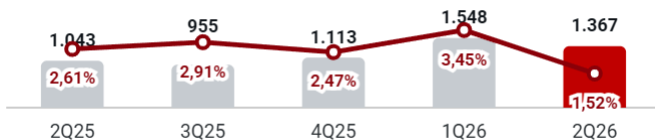
3.3. Chi phí vận hành & chi phí tài chính

Tổng chi phí bán hàng và quản lý ở mức **1.367 tỷ đồng (+31,1% YoY)** – tăng theo quy mô nhưng chậm hơn nhiều so với doanh thu, nên tỷ lệ trên doanh thu giảm còn **1,52%** từ 2,61% cùng kỳ. Điểm cần chú ý của quý nằm ở chi phí tài chính.

- **Chi phí vận hành tăng có kiểm soát** – chi phí bán hàng 1.013 tỷ (+35,1% YoY) và chi phí quản lý 354 tỷ (+20,8% YoY), phù hợp với việc mở rộng sản lượng và hệ thống; so với quý liền trước, tổng hai khoản còn giảm 11,7% dù doanh thu gấp đôi.
- **Lãi vay 185 tỷ, gấp 2,5 lần cùng kỳ** – công ty giải trình do lãi suất tăng (chi phí tài chính công ty mẹ +177 tỷ svck); TCBS Research cho rằng lãi suất khó lý giải trọn vẹn khi dư nợ cuối kỳ giảm còn 7.780 tỷ từ 10.880 tỷ đầu năm; biến động vay do nhu cầu tài trợ các lô dầu thô, xăng dầu trong kỳ có thể là lý do khiến lãi vay tăng.
- **Đánh giá:** bù lại, doanh thu tài chính ổn định ~230 tỷ/quý từ tiền gửi, đưa cân đối tài chính ròng chỉ âm 14 tỷ; nếu lãi vay quay về mặt bằng 90–140 tỷ/quý khi dư nợ đã giảm, khoản này có thể đủ đưa lỗ ròng thành lãi ròng trong một quý biên mỏng.

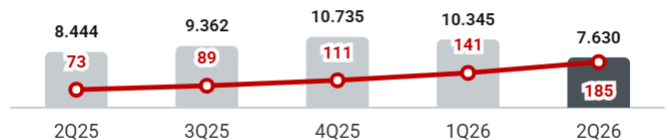
■ Chi phí bán hàng & QLDN

Tỷ đồng · đường = % doanh thu (trục phải)



■ Vay ngắn hạn cuối quý và lãi vay trong quý

Tỷ đồng · cột = dư vay ngắn hạn; đường = lãi vay (trục phải)



Nguồn: BCTC hợp nhất PV OIL, TCBS Research

Nguồn: BCTC hợp nhất PV OIL, TCBS Research

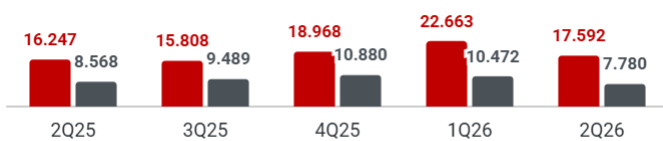
3.4. Bảng cân đối & dòng tiền – lớp đệm của định giá

Bảng cân đối vẫn là điểm mạnh nhất của PV OIL: tổng tài sản **49.225 tỷ đồng (+8% so đầu năm)**, trong đó tiền và tiền gửi **17.592 tỷ (36% tổng tài sản)**; tổng vay nợ 7.780 tỷ, đưa **tiền ròng lên ~9.812 tỷ – xấp xỉ 73% vốn hóa** tại ngày 05/08/2026.

- **Dòng tiền HĐKD 6 tháng ~1.714 tỷ** (cùng kỳ 147 tỷ) nhờ giải phóng tồn kho trong Quý 2; trong kỳ công ty chủ động trả bớt nợ, dư vay ngắn hạn giảm 29% so đầu năm còn 7.630 tỷ – trạng thái thanh khoản dày lên ngay trong quý lỗ.
- **Vốn lưu động tăng theo giá dầu** – phải thu 17.922 tỷ (+35% QoQ) và tồn kho 5.689 tỷ (gấp đôi đầu năm) đều nở theo mặt bằng giá; dự phòng 232 tỷ đã phản ánh giá cuối tháng 6. Capex tăng nhẹ, lớn nhất là dự án mở rộng kho An Hải (XDCB dở dang ~378 tỷ).
- **Đánh giá:** thanh khoản dày giúp chịu được các quý sốc giá mà không tổn hại nền tảng; điểm trừ cấu trúc là ROE trượt 4 quý chỉ **5,7%** – biên mỏng, thâm dụng vốn lưu động khiến sinh lời thấp và biến động, lý giải mức P/B 1,24 lần dù tiền ròng rất lớn.

■ Tiền + tiền gửi và tổng vay nợ

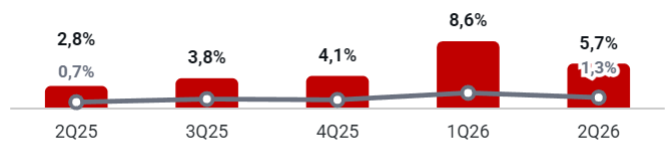
Tỷ đồng · cuối quý



■ Tiền + tiền gửi ■ Tổng vay nợ

■ ROE & ROA

% · trượt 4 quý



■ ROE ● ROA

Nguồn: BCTC hợp nhất PV OIL, TCBS Research

Nguồn: BCTC hợp nhất PV OIL, TCBS Research

Phụ lục – Số liệu BCTC Quý 2/2026

Trích lược bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Q2/2025	Q3/2025	Q4/2025	Q1/2026	Q2/2026
Tiền & tương đương tiền	4.206	3.493	5.500	8.486	3.705
Đầu tư tài chính ngắn hạn (tiền gửi)	12.041	12.315	13.468	14.177	13.887
Phải thu ngắn hạn	16.294	10.542	16.709	13.268	17.922
Hàng tồn kho	5.311	4.012	2.778	11.191	5.689
Tài sản ngắn hạn khác	487	479	483	579	794
Tài sản cố định	3.486	3.589	3.701	3.685	3.749
Tài sản dài hạn khác	2.811	2.889	2.971	2.993	3.479
TỔNG TÀI SẢN	44.636	37.319	45.610	54.379	49.225
Nợ phải trả	32.990	25.713	34.055	42.203	37.167
— trong đó vay ngắn hạn	8.444	9.362	10.735	10.345	7.630
Tổng vốn chủ sở hữu	11.646	11.606	11.555	12.175	12.058

Báo cáo kết quả kinh doanh (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Q2/2025	Q3/2025	Q4/2025	Q1/2026	Q2/2026
Doanh thu thuần	39.908	32.776	45.084	44.864	90.003
Giá vốn hàng bán	(38.743)	(31.776)	(43.686)	(42.691)	(88.725)
Lợi nhuận gộp	1.164	1.000	1.398	2.173	1.278
Biên lợi nhuận gộp (%)	2,92	3,05	3,10	4,84	1,42
Chi phí bán hàng & QLDN	(1.043)	(955)	(1.113)	(1.548)	(1.367)
Chi phí lãi vay	(73)	(89)	(111)	(141)	(185)
Lợi nhuận trước thuế	251	168	194	675	(71)
Lợi nhuận sau thuế	206	139	133	572	(95)
LNST cổ đông công ty mẹ	179	125	103	516	(136)
ROE trượt 4 quý (%)	2,8	3,8	4,1	8,6	5,7

Nguồn: BCTC hợp nhất PV OIL, TCBS Research.

Phụ lục – Mô hình tài chính & dự phóng theo năm · 2021–2030

Đơn vị: tỷ đồng (trừ các dòng tỷ lệ, lần, %, số ngày) · Cột 2026–2030 là số liệu dự phóng

Chỉ tiêu	THỰC HIỆN					DỰ PHÓNG · TCBS				
	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
Số lượng cổ phiếu (triệu)	1.034	1.034	1.034	1.034	1.034	1.034	1.034	1.034	1.034	1.034
P/E (lần)	27,0	11,7	17,6	29,7	25,7	21,8	18,5	17,4	16,6	15,7
EPS (đồng/cp)	584	629	544	397	420	595	703	745	783	825
P/B (lần)	1,6	0,7	1,0	1,2	1,1	1,2	1,2	1,1	1,1	1,1
BVPS (đồng/cp)	9.679	9.872	10.020	10.087	10.173	10.768	11.120	11.493	11.885	12.297
EV/EBITDA (lần)	22,7	12,6	30,1	24,6	29,5	13,4	12,4	11,8	11,1	10,5
ROE	6,2%	6,4%	5,5%	4,0%	4,1%	5,7%	6,4%	6,6%	6,7%	6,8%
Biên lợi nhuận gộp	5,5%	3,9%	3,8%	3,3%	2,9%	2,7%	2,7%	2,7%	2,7%	2,7%
Biên lợi nhuận hoạt động	1,1%	0,6%	0,2%	0,2%	0,3%	0,5%	0,5%	0,5%	0,5%	0,5%
Biên lợi nhuận ròng	1,0%	0,6%	0,5%	0,3%	0,3%	0,3%	0,3%	0,3%	0,3%	0,3%
Doanh thu / Tài sản	2,1	3,6	2,6	3,0	3,3	4,3	4,1	4,1	4,1	4,2
(Vay – Tiền) / Vốn CSH	-0,6	-0,8	-0,7	-0,7	-0,7	-0,8	-0,8	-0,8	-0,8	-0,8
Vay ngắn hạn / Vay dài hạn	44,4	43,1	79,3	67,1	74,1	74,1	74,1	74,1	74,1	74,1
EBIT / Lãi vay (lần)	4,3	3,6	0,9	1,5	1,2	1,6	1,7	1,8	1,9	2,0
Vay / EBITDA (lần)	4,6	3,8	9,3	12,3	12,3	7,8	7,3	6,9	6,5	6,1
Số ngày phải thu	35	21	21	17	13	23	27	28	28	28
Số ngày tồn kho	15	10	13	12	8	6	7	7	7	7
Capex / Tài sản cố định	7%	11%	12%	11%	15%	19%	18%	18%	17%	16%
Doanh thu thuần	57.836	104.214	102.663	124.460	150.557	225.534	241.321	253.387	266.057	279.359
Tăng trưởng doanh thu		80%	-1%	21%	21%	50%	7%	5%	5%	5%
EBITDA	963	991	530	595	751	1.393	1.496	1.584	1.676	1.772
LNST cổ đông công ty mẹ	605	651	563	411	435	616	728	771	810	854
Tăng trưởng lợi nhuận		8%	-14%	-27%	6%	42%	18%	6%	5%	5%
Tiền & đầu tư ngắn hạn	10.917	11.748	15.270	14.977	18.968	21.043	21.157	21.290	21.460	21.658
Phải thu khách hàng	7.761	8.091	13.110	16.488	16.709	17.414	18.633	19.565	20.543	21.570
Hàng tồn kho	2.578	2.941	4.171	3.540	2.778	4.171	4.462	4.686	4.920	5.166
Tổng tài sản	27.198	28.810	38.839	41.734	45.610	58.115	60.796	63.041	65.408	67.895
Vay ngắn hạn	4.634	2.701	6.967	7.423	10.735	10.735	10.735	10.735	10.735	10.735
Vay dài hạn	104	63	88	111	145	145	145	145	145	145
Tổng vay	4.738	2.764	7.055	7.534	10.880	10.880	10.880	10.880	10.880	10.880
Tổng nợ	16.012	17.483	27.446	30.286	34.055	45.944	48.261	50.120	52.082	54.143
Vốn chủ sở hữu	11.185	11.327	11.393	11.448	11.555	12.171	12.535	12.920	13.325	13.752
Cân đối vốn dài hạn	5.825	6.018	5.832	5.591	5.251	5.502	5.417	5.309	5.218	5.140
Dòng tiền tự do (FCF)	-555	-865	1.674	1.453	-260	2.561	1.067	1.122	1.184	1.239

Nguồn: BCTC hợp nhất PV OIL, TCBS Research.

© Techcom Securities | Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội |
Hotline: 1900 23 23 66 | www.tcbs.com.vn

Để không bỏ lỡ các báo cáo phân tích mới nhất từ TCBS Research, Quý khách vui lòng đăng ký địa chỉ email qua link sau: **Đăng ký**.

Mọi góp ý về báo cáo phân tích, Quý khách vui lòng gửi về địa chỉ research.feedback@tcbs.com.vn. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Miễn trừ trách nhiệm:

Thông tin trong báo cáo được tổng hợp từ các nguồn TCBS đánh giá là đáng tin cậy tại thời điểm phát hành, nhưng TCBS không bảo đảm tính chính xác hoặc đầy đủ. Các nhận định phản ánh quan điểm của TCBS tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích tham khảo, không phải khuyến nghị đầu tư. Nhà đầu tư tự đánh giá và chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình. Hiệu quả trong quá khứ không bảo đảm kết quả trong tương lai; đầu tư luôn có rủi ro, kể cả mất vốn.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, TCBS không chịu trách nhiệm đối với tổn thất phát sinh từ việc sử dụng báo cáo. Báo cáo thuộc sở hữu của TCBS; mọi sao chép, trích dẫn hoặc phân phối lại phải được TCBS chấp thuận bằng văn bản.